

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ THEO KNLNN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 07/09/2019 TẠI TRƯỜNG ĐH CNTT&TT

PHÒNG THI: 1 MÔN: TIẾNG ANH

KỸ NĂNG: NÓI TRÌNH ĐỘ: **B1B2C1**

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
1	B1B2C1-001	Hoàng Bảo An	10.04.1993	Nam	Thái Nguyên
2	B1B2C1-002	Hoàng Tuấn Anh	02.09.1981	Nam	Thái Nguyên
3	B1B2C1-003	Nguyễn Quốc Anh	13.11.1983	Nam	Thái Nguyên
4	B1B2C1-004	Nguyễn Tuấn Anh	01.08.1990	Nam	Vĩnh Phúc
5	B1B2C1-005	Trần Thị Vân Anh	24.08.1995	Nữ	Bắc Giang
6	B1B2C1-006	Triệu Việt Anh	19.11.1995	Nam	Thái Nguyên
7	B1B2C1-007	Vũ Hoàng Anh	04.07.1987	Nam	Hà Nội
8	B1B2C1-008	Đặng Ngọc ánh	10.11.1994	Nữ	Bắc Giang
9	B1B2C1-009	Lê Huy Bắc	21.05.1976	Nam	Nam Định
10	B1B2C1-010	Nguyễn Việt Bắc	24.05.1982	Nam	Lào Cai
11	B1B2C1-011	Phan Văn Bé	09.07.1977	Nam	Thanh Hóa
12	B1B2C1-012	Vũ Thanh Bình	03.02.1985	Nam	Thái Nguyên
13	B1B2C1-013	Đàm Đình Chiến	17.07.1987	Nam	Hà Nội
14	B1B2C1-014	Thạch Văn Chung	04.11.1978	Nam	Bắc Giang
15	B1B2C1-015	Hà Thị Chuyên	09.04.1987	Nữ	Lạng Sơn
16	B1B2C1-016	Phạm Ngọc Dũng	07.08.1991	Nam	Thái Nguyên
17	B1B2C1-017	Trần Tiến Dũng	16.05.1965	Nam	Quảng Nam
18	B1B2C1-018	Mông Đại Dương	05.07.1980	Nam	Thái Nguyên
19	B1B2C1-019	Đỗ Thị Thu Giang	06.07.1970	Nữ	Hà Giang
20	B1B2C1-020	Kim Thị Hà	29.02.1996	Nữ	Vĩnh Phúc
21	B1B2C1-021	Nguyễn Lê Khánh Hà	18.02.1996	Nữ	Thái Nguyên
22	B1B2C1-022	Ngô Xuân Hải	17.02.1965	Nam	Thái Nguyên
23	B1B2C1-023	Đỗ Thu Hằng	28.09.1992	Nữ	Bắc Giang
24	B1B2C1-024	Lê Thị Hạnh	16.09.1977	Nữ	Thanh Hóa
25	B1B2C1-025	Vũ Thị Hạnh	02.06.1986	Nữ	Hải Dương
26	B1B2C1-026	Phạm Vũ Hậu	15.06.1980	Nam	Hà Tây
27	B1B2C1-027	Vũ Đình Hiến	26.04.1980	Nam	Hải Dương
28	B1B2C1-028	Phan Hoàng Hiệp	18.10.1975	Nam	Nam Định
29	B1B2C1-029	Hoàng Hải Hiếu	04.11.1990	Nam	Thái Nguyên
30	B1B2C1-030	Lương Trung Hiếu	18.08.1992	Nam	Thái Nguyên
31	B1B2C1-031	Lý Thanh Hiếu	14.11.1994	Nữ	Thái Nguyên
32	B1B2C1-032	Trần Thu Hoài	18.02.1977	Nữ	Thái Nguyên
33	B1B2C1-033	Trần Huy Hoàng	12.12.1992	Nam	Thái Nguyên
34	B1B2C1-034	Lê Quốc Hồng	19.01.1975	Nam	Yên Bái
35	B1B2C1-035	Lê Thế Hợp	13.03.1984	Nam	Phú Thọ
36	B1B2C1-036	Hoàng Thị Huệ	06.01.1994	Nữ	Bắc Giang
37	B1B2C1-037	Hoàng Mạnh Hùng	25.12.1983	Nam	Hà Nội

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ THEO KNLNN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 07/09/2019 TẠI TRƯỜNG ĐH CNTT&TT

PHÒNG THI: 1 MÔN: TIẾNG ANH KỸ NĂNG: NÓI TRÌNH ĐỘ: B1B2C1

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
38	B1B2C1-038	Đặng Thị Lan Hương	25.11.1980	Nữ	Hải Dương
39	B1B2C1-039	Vũ Thị Lan Hương	11.06.1993	Nữ	Bắc Giang
40	B1B2C1-040	Ngô Thị Hường	15.02.1994	Nữ	Bắc Giang

ấn định danh sách có: 40 thí sinh.

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ THEO KNLNN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 07/09/2019 TẠI TRƯỜNG ĐH CNTT&TT

PHÒNG THI: 2 MÔN: TIẾNG ANH

KỸ NĂNG: NÓI TRÌNH ĐỘ: **B1B2C1**

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
1	B1B2C1-041	Đỗ Thị Liên	11.04.1980	Nữ	Hải Dương
2	B1B2C1-042	Lương Thị Thảo Linh	10.11.1996	Nữ	Thái Nguyên
3	B1B2C1-043	Nguyễn Mạnh Linh	25.09.1992	Nam	Bắc Giang
4	B1B2C1-044	Nguyễn Võ Lộc	30.09.1991	Nam	Phú Thọ
5	B1B2C1-045	Quách Hoàng Long	15.12.1989	Nam	Ninh Bình
6	B1B2C1-046	Nguyễn Thị Thanh Mai	22.09.1984	Nữ	Quảng Bình
7	B1B2C1-047	Phan Thị Mận	17.03.1985	Nữ	Nam Định
8	B1B2C1-048	Hoàng Xuân Mạnh	07.09.1981	Nam	Thái Nguyên
9	B1B2C1-049	Nguyễn Khắc Miến	09.08.1977	Nam	Hải Dương
10	B1B2C1-050	Nguyễn Thị Mùi	20.12.1979	Nữ	Hải Dương
11	B1B2C1-051	Nguyễn Công Nam	15.07.1977	Nam	Hải Dương
12	B1B2C1-052	Đinh Thị Thúy Ngân	27.02.1991	Nữ	Hà Nội
13	B1B2C1-053	Đỗ Thị Ngọc	10.05.1996	Nữ	Thái Nguyên
14	B1B2C1-054	Đỗ Văn Phú	15.08.1992	Nam	Vĩnh Phúc
15	B1B2C1-055	Nguyễn Việt Phú	14.10.1985	Nam	Tuyên Quang
16	B1B2C1-056	Lưu Thị Kim Phượng	02.09.1973	Nữ	Thái Nguyên
17	B1B2C1-057	Phạm Đức Quốc	21.03.1982	Nam	Hải Dương
18	B1B2C1-058	Nguyễn Huy Quỳnh	04.02.1986	Nam	Thái Nguyên
19	B1B2C1-059	Đặng Thanh Sơn	23.06.1992	Nam	Thái Nguyên
20	B1B2C1-060	Lê Thị Tâm	27.02.1996	Nữ	Thanh Hóa
21	B1B2C1-061	Nguyễn Công Tâm	14.02.1992	Nam	Thái Bình
22	B1B2C1-062	Nguyễn Ngọc Thanh	10.05.1983	Nam	Bắc Giang
23	B1B2C1-063	Nguyễn Thị Thanh	20.10.1986	Nữ	Nghệ An
24	B1B2C1-064	Phạm Thu Thảo	30.12.1993	Nữ	Thái Nguyên
25	B1B2C1-065	Trần Thị Thu Thảo	17.07.1994	Nữ	Thái Bình
26	B1B2C1-066	Ngô Văn Thọ	04.11.1986	Nam	Bắc Giang
27	B1B2C1-067	Nguyễn Thị Thu	22.11.1979	Nữ	Thái Nguyên
28	B1B2C1-068	Trần Thị Thanh Thư	12.08.1994	Nữ	Bắc Giang
29	B1B2C1-069	Phan Thị Hoài Thương	21.01.1993	Nữ	Thái Nguyên
30	B1B2C1-070	Nguyễn Diệu Thùy	18.11.1994	Nữ	Thái Nguyên
31	B1B2C1-071	Đồng Quang Tiến	12.12.1983	Nam	Thái Nguyên
32	B1B2C1-072	Nguyễn Đắc Tiến	26.08.1980	Nam	Thái Nguyên
33	B1B2C1-073	Lục Tiến Anh Toàn	17.11.1995	Nam	Bắc Giang
34	B1B2C1-074	Đặng Huyền Trang	15.12.1996	Nữ	Tuyên Quang
35	B1B2C1-075	Đoàn Văn Trọng	14.01.1984	Nam	Hải Dương
36	B1B2C1-076	Bùi Văn Tú	14.07.1986	Nam	Bắc Giang
37	B1B2C1-077	Dương Thị Tư	25.06.1996	Nữ	Thái Nguyên

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ THEO KNLNN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 07/09/2019 TẠI TRƯỜNG ĐH CNTT&TT

PHÒNG THI: 2 MÔN: TIẾNG ANH KỸ NĂNG: NÓI TRÌNH ĐỘ: B1B2C1

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
38	B1B2C1-078	Dương Văn Tuyên	01.06.1992	Nam	Bắc Giang
39	B1B2C1-079	Nguyễn Hoàng Vương	13.11.1981	Nam	Hà Nội
40	B1B2C1-080	Trần Trung Vỹ	15.04.1971	Nam	Quảng Ninh
41	B1B2C1-081	Lê Hải Yến	09.05.1993	Nữ	Tuyên Quang

ấn định danh sách có: 41 thí sinh.

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ THEO KNLNN 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG THI NGÀY 07/09/2019 TẠI TRƯỜNG ĐH CNTT&TT

PHÒNG THI: 3 MÔN: TIẾNG PHÁP

KỸ NĂNG: NÓI TRÌNH ĐỘ: **B1B2C1**

STT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÁI	NƠI SINH
1	B1B2C1-082	Lê Thị Hồng Chuyên	25.12.1983	Nữ	Bắc Ninh
2	B1B2C1-083	Nguyễn Thị Bích Diệp	20.01.1991	Nữ	Thái Nguyên
3	B1B2C1-084	Phạm Thị Hoài Diệp	07.12.1982	Nữ	Quảng Ninh
4	B1B2C1-085	Hà Thị Phương Dung	26.07.1980	Nữ	Thái Nguyên
5	B1B2C1-086	Lê Thị Dung	11.11.1983	Nữ	Bắc Ninh
6	B1B2C1-087	Ma Thúy Hằng	04.06.1983	Nữ	Thái Nguyên
7	B1B2C1-088	Nguyễn Thị Minh Hậu	21.05.1983	Nữ	Bắc Ninh
8	B1B2C1-089	Bùi Thị Diệu Hương	04.10.1992	Nữ	Ninh Bình
9	B1B2C1-090	Nguyễn Thị Huyền	07.02.1991	Nữ	Bắc Ninh
10	B1B2C1-091	Trịnh Thị Ngọc Lan	19.04.1983	Nữ	Bắc Giang
11	B1B2C1-092	Ma Thị Linh	30.05.1988	Nữ	Thái Nguyên
12	B1B2C1-093	Hoàng Thị Phương Mai	12.02.1990	Nữ	Thái Nguyên
13	B1B2C1-094	Đỗ Thị Nụ	30.08.1980	Nữ	Thái Nguyên
14	B1B2C1-095	Nguyễn Thị Thủy	01.05.1977	Nữ	Thái Nguyên
15	B1B2C1-096	Vũ Thị Hồng Vân	22.06.1985	Nữ	Ninh Bình
16	B1B2C1-097	Nguyễn Thị Yến	28.01.1988	Nữ	Thái Nguyên

ấn định danh sách có: 16 thí sinh.